

Số: /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày tháng năm

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **VỀ VIỆC BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH VÀ GIAO NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO**

#### **GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;*

*Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 4033/QĐ-ĐHQGHN ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo được quy hoạch cho giai đoạn 2021-2025 của Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 3349/NQ-HĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng Đại học Quốc gia Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo;*

*Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế tại công văn số 1964/ĐHKT-ĐT ngày 24 tháng 06 năm 2022 về việc đề nghị phê duyệt chương trình đào tạo thạc sĩ Công nghệ tài chính;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo.*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ tài chính theo định hướng ứng dụng.

**Điều 2.** Giao cho Trường Đại học Kinh tế tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ tài chính theo đúng Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội, các quy định hiện hành có liên quan và chương trình đào tạo kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Sau hai khóa đào tạo, Trường Đại học Kinh tế tổ chức đánh giá tổng thể chương trình đào tạo, công tác tổ chức đào tạo, chất lượng đào tạo và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, Y5.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hoàng Hải**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH****ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG****(Chuyên ngành đào tạo thí điểm)**

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN, ngày tháng năm của  
Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

**PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO****1. Một số thông tin về chương trình đào tạo****- Tên chuyên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Công nghệ tài chính

+ Tiếng Anh: Financial Technology

**- Mã số chuyên ngành đào tạo:** Thí điểm (mã số đề xuất: 8340205)

**- Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ

**- Thời gian đào tạo:** 2 năm

**- Tên văn bằng tốt nghiệp:**

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ tài chính

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Financial Technology

**- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

**2. Mục tiêu của chương trình đào tạo****2.1. Mục tiêu chung**

Chương trình thạc sĩ Công nghệ tài chính định hướng ứng dụng nhằm đào tạo nhân lực, những cán bộ quản lý cấp trung, trưởng/phó bộ phận làm việc tại các doanh nghiệp, định chế tài chính, cơ quan hành chính sự nghiệp, các cán bộ giảng dạy và nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực công nghệ tài chính tại các trường đại học, các viên nghiên cứu, có năng lực điều hành và tổ chức thực thi, nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức trong các hoạt động liên quan đến lĩnh vực công nghệ tài chính của các đơn vị, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo hội nhập quốc tế.

## 2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình thạc sĩ Công nghệ tài chính định hướng ứng dụng trang bị cho người học kiến thức khoa học nền tảng và chuyên ngành về Tài chính - Ngân hàng và ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng như hệ thống tài chính tiền tệ, quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao, tài chính số, các công nghệ áp dụng trong tài chính như học máy, công nghệ chuỗi khối... Người học cũng sẽ được trang bị các kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu và quản lý, đồng thời được bồi đắp các năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề, có kỹ năng lãnh đạo, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm ... để quản lý và tổ chức các hoạt động ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Sau khi tốt nghiệp, học viên đủ năng lực làm việc độc lập, sáng tạo ở những vị trí chuyên gia, quản lý cấp trung, giảng viên, nghiên cứu viên có tính chất chuyên môn cao về công nghệ tài chính tại các doanh nghiệp, các tổ chức tài chính.

## 3. Thông tin tuyển sinh

### 3.1. Phương thức tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển (bao gồm đánh giá hồ sơ và phỏng vấn) theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

### 3.2. Đối tượng tuyển sinh

#### 3.2.1. Điều kiện văn bằng

- Nhóm 1: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Công nghệ - Tài chính (Fintech), ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Công nghệ - Tài chính, ngành Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Công nghệ - Tài chính được dự thi ngay.

- Nhóm 2: Có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành Kinh tế học, Kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm, Kế toán – Kiểm toán, Quản trị - Quản lý được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức với chương trình gồm 2 học phần (6 tín chỉ);

- Nhóm 3: Có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành Máy tính, Công nghệ thông tin được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức với chương trình gồm 2 học phần (6 tín chỉ);

#### 3.2.2. Điều kiện thâm niên công tác

Không yêu cầu về kinh nghiệm công tác.

### 3.2.3. Điều kiện về ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) đúng với yêu cầu của chương trình đào tạo từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội).

### 3.2.4. Danh mục các ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

Danh mục các ngành phù hợp quy định tại mục 3.2.1, với các học phần bổ sung cụ thể như sau:

<b>Đối tượng tuyển sinh</b>	<b>Học phần bổ sung</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Tổng số tín chỉ</b>
Nhóm 1	Không học bổ sung		
Nhóm 2	Xác suất thống kê	3	6
	Nhập môn lập trình	3	
Nhóm 3	Kinh tế tiền tệ ngân hàng	3	6
	Tài chính doanh nghiệp	3	

## PHẦN 2: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

#### 1.1. Khối kiến thức chung

- Phân tích được kiến thức cơ bản về triết học và áp dụng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;

#### 1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

- Vận dụng được các kiến thức cơ sở về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng như hệ thống thị trường và định chế tài chính, hệ thống tài chính số và quản trị tài chính doanh nghiệp. (môn học Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính, Tài chính số, Tài chính doanh nghiệp – bắt buộc cho đối tượng học viên lĩnh vực công nghệ);

- Vận dụng các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và sự ứng dụng một số công nghệ trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng như học máy, công nghệ chuỗi khối (môn học Phân tích lập trình trong tài chính, ứng dụng học máy trong tài chính, công nghệ chuỗi khối và các ứng dụng,.. các môn cơ bản – bắt buộc cho đối tượng học viên lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng);

- Vận dụng các kiến thức cơ bản về đạo đức trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng (Đạo đức nghề nghiệp trong Tài chính - Ngân hàng);

- Áp dụng và phân tích một số kiến thức cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ tài chính (Môn học Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp trong Fintech.);

- Phân tích một số kiến thức chuyên ngành hẹp về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng như quản trị các vấn đề tài chính doanh nghiệp, quản trị hoạt động các ngân hàng, quản trị danh mục đầu tư và các vấn đề trong lĩnh vực tài chính công (Các môn học đặc thù của các chuyên ngành đưa vào: Phân tích dữ liệu trong tài chính, Kinh tế lượng tài chính, Thuế quốc tế, Dịch vụ ngân hàng ưu tiên, Phân tích kinh doanh ... mục tiêu các môn học chuyên ngành hơn và sâu hơn ở mức độ phân tích);

- Đánh giá được một số vấn đề chuyên môn hẹp trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng của cá nhân, doanh nghiệp và nhà nước (Các môn học nâng cao của các ngành: Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao, Dịch vụ ngân hàng ưu tiên, Tài chính cá nhân, Tài chính Hành vi nâng cao, Các công cụ có thu nhập cố định nâng cao, Quản trị chiến lược nâng cao...).

### ***1.3. Thực tập thực tế và tốt nghiệp***

Phân tích và đánh giá được các vấn đề thực tế ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng ở Việt Nam và trên thế giới (Thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp).

## **2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

### ***2.1. Kỹ năng chuyên môn***

- Kỹ năng giải quyết vấn đề: Giải quyết và liên kết các tình huống thực tiễn và mô phỏng trong hoạt động quản trị tài chính và ứng dụng công nghệ trong tài chính của cá nhân và tổ chức;

- Kỹ năng phân tích: Phân tích và đánh giá thông tin và dữ liệu tài chính, sử dụng thành thạo tự nhiên các công cụ tài chính hiện đại và áp dụng công nghệ để giải quyết các vấn đề Tài chính - Ngân hàng;

- Kỹ năng nghiên cứu tự nhiên tìm hiểu các vấn đề công nghệ áp dụng trong quản trị các tổ chức tài chính - ngân hàng, các công ty khởi nghiệp về công nghệ tài chính và cá nhân.

### ***2.2. Kỹ năng bổ trợ***

- Các kỹ năng cá nhân: Chuẩn hoá và phối hợp làm việc độc lập, chuẩn hoá tư duy phản biện; phối hợp và sử dụng tự nhiên kỹ năng quản lý thời gian; định hướng mục tiêu phát triển của bản thân và định hướng cho đồng nghiệp;

- Kỹ năng làm việc nhóm: Chuẩn hoá và phối hợp kỹ năng làm việc nhóm, thực hiện tự nhiên hợp tác và phối hợp trong các nhóm khác nhau;

- Kỹ năng lãnh đạo: Chuẩn hoá và phối hợp, liên kết được kỹ năng dẫn dắt, phụ trách và truyền đạt cho nhân viên và những người mới làm việc trong lĩnh vực;

- Kỹ năng giao tiếp: Chuẩn hoá và phối hợp kỹ năng lập luận, sắp xếp ý tưởng, thuyết trình thuyết trình và chuyên giao kiến thức dưới dạng nói và văn bản và phối hợp đào tạo cho cấp dưới;

- Đạt chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ từ Bậc 4 trở lên hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### **3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Chuẩn hoá năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; chuẩn hoá và phối hợp năng lực cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, khả năng tự nhiên ảnh hưởng tới các thành viên nhóm;

- Tự nhiên trong tự học tập, sáng tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tự định hướng, phối hợp thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, năng lực tự nhiên đào tạo các thành viên mới trong nhóm.

### **4. Về phẩm chất đạo đức**

- Phẩm chất đạo đức cá nhân: Đặc trưng hành vi và lời nói chuẩn mực; tự tin, kiên trì, linh hoạt, sẵn sàng đương đầu với khó khăn; tổ chức hoạt động nhiệt tình, biết lắng nghe, đàm phán, phản biện và dẫn dắt, bồi dưỡng cấp dưới;

- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: tổ chức chuyên nghiệp và chủ động trong công việc, dám chịu trách nhiệm và tự tin giải quyết công việc trong bối cảnh thường xuyên có sự thay đổi; Đặc trưng phẩm chất trung thực, khách quan, khoa học trong nghiên cứu, đánh giá, xử lý các vấn đề chuyên môn; chuyên nghiệp và có trách nhiệm trong công việc;

- Phẩm chất đạo đức xã hội: Đặc trưng thái độ tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao; Có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng, có trách nhiệm cao với tổ chức và đồng nghiệp.

### **5. Những vị trí công tác học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

Khoa TCNH, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN hướng tới đào tạo các chuyên gia và lãnh đạo Tài chính - Ngân hàng theo định hướng chuyên môn sâu về công nghệ tài chính. Với các kiến thức, kỹ năng và phẩm chất được trang bị, các học viên tốt

nghiệp chương trình thạc sĩ Công nghệ tài chính có thể đảm nhiệm các vị trí công việc:

*Nhóm 1:* Các chuyên gia và cán bộ quản lý cấp trung có định hướng làm việc tại các bộ phận liên quan tới ứng dụng công nghệ trong các ngân hàng, các doanh nghiệp, công ty chứng khoán, công ty tài chính, quỹ đầu tư, các công ty công nghệ tài chính, các định chế tài chính khác ở trong và ngoài nước; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý cấp cao trong tương lai.

*Nhóm 2:* Các chuyên gia và lãnh đạo cấp trung có định hướng làm việc tại các bộ phận liên quan tới ứng dụng công nghệ tại các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban giám sát Tài chính, Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Vụ chính sách tiền tệ trực thuộc các Bộ, và các cơ quan trực thuộc Chính phủ và các đơn vị sự nghiệp khác; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý cấp cao trong tương lai.

*Nhóm 3:* Các chuyên gia, cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy các môn chuyên ngành sâu về Tài chính - Ngân hàng, công nghệ tài chính làm việc tại các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu hoặc các tổ chức khác; có định hướng phát triển thành các quản lý khoa học, giảng viên và các cán bộ nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, có định hướng phát triển học tập ở các bậc học cao hơn.

## 6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc học cao hơn.

## PHẦN 3: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

<b>Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo</b>	<b>64 tín chỉ</b>
- Khối kiến thức chung	8 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	41 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i>	<i>30 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn</i>	<i>11/33 tín chỉ</i>
- Thực tập và tốt nghiệp	15 tín chỉ
+ <i>Thực tập thực tế</i>	<i>6 tín chỉ</i>
+ <i>Đề án tốt nghiệp</i>	<i>9 tín chỉ</i>



## 2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			HP tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>8</b>				
1	PHI5003	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2	ENG5002	Tiếng Anh B2 (*) <i>English level B2</i>	4	40	20	0	
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>41</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>30</b>				
3	FIB6041	Phân tích và Lập trình trong Tài chính <i>Analytics and Programming in Finance</i>	3	30	15	0	
4	FIB6042	Tiền tệ, Ngân hàng và thị trường tài chính <i>Money, Banking and Financial Markets</i>	3	30	15	0	
5	FIB6043	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong Fintech <i>Innovation and Entrepreneurship in Fintech</i>	3	30	15	0	
6	FIB6044	Quản lý ngân hàng số <i>Digital Banking Management</i>	3	30	15	0	
7	FIB6045	Ứng dụng học máy trong tài chính <i>Machine Learning in Finance</i>	3	30	15	0	
8	FIB6046	Tài chính số <i>Digital Finance</i>	3	30	15	0	
9	FIB6047	Công nghệ chuỗi khối và các ứng dụng <i>Blockchain and Applications</i>	3	30	15	0	
10	FIB6048	Quản trị danh mục đầu tư <i>Portfolio Management</i>	3	30	15	0	
11	FIB6003	Tài chính doanh nghiệp nâng cao <i>Advanced Corporate Finance</i>	3	30	15	0	
12	FIB6055	Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng <i>Ethics in Banking and Finance</i>	3	30	15	0	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>11</b>				
13	FIB6049	Phân tích dữ liệu trong Tài chính <i>Data Analytics in Finance</i>	2	20	10	0	
14	FIB6050	Kinh tế lượng tài chính với R/PYTHON	2	20	10	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			HP tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Financial Econometrics in R/PYTHON</i>					
15	FIB6052	Định giá doanh nghiệp Fintech <i>Fintech business valuation</i>	2	20	10	0	
16	FIB6035	Quản trị rủi ro trong các tổ chức tài chính <i>Risk management in financial institutions</i>	3	30	15	0	
17	FIB6002	Quản trị Ngân hàng thương mại nâng cao <i>Advanced Commercial Bank Management</i>	3	30	15	0	
18	BSA6004	Quản trị chiến lược nâng cao <i>Advanced Strategic Management</i>	3	30	15	0	
19	FIB6056	Các công cụ có thu nhập cố định nâng cao <i>Advanced Fixed Income Instruments</i>	3	30	15	0	
20	FIB6057	Phân tích kinh doanh nâng cao <i>Advanced Business Analytics</i>	3	30	15	0	
21	FIB6058	Tài chính hành vi nâng cao <i>Advanced Behavioral Finance</i>	3	30	15	0	
22	FIB6040	Tài chính cá nhân <i>Personal Finance</i>	3	30	15	0	
23	FIB6134	Dịch vụ ngân hàng ưu tiên <i>Priority Banking Services</i>	3	30	15	0	
24'	FIB6101	Thuế quốc tế <i>International tax</i>	3	25	20	0	
<b>III.</b>	<b>Thực tập và tốt nghiệp</b>		<b>15</b>				
25	FIB6053	Thực tập thực tế 1	3	0	45	0	
26	FIB6054	Thực tập thực tế 2	3	0	45	0	
27	FIB7201	Đề án tốt nghiệp	9				
<b>Tổng cộng</b>			<b>64</b>				

(\* ) **Ghi chú:** Học phần Tiếng Anh B2 là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ. Kết quả đánh giá học phần Tiếng Anh B2 không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo